



## **Thủy Quân Lục Chiến tại Cổ Thành Quảng Trị, Năm 1972**

*Lê Quang Liễn, K20*

### *Đôi Dòng Về CSVSQ Lê Quang Liễn:*

Đại Úy Lê Quang Liễn, K20VB, tham dự trận chiến Quảng Trị kể từ tháng 3/1972 trong chức vụ ĐĐT/ĐĐ4/TĐ2 TQLC cho đến khi ĐĐ4 đánh tan đơn vị phòng thủ phối hợp giữa Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 48/ SĐ320B và Trung Đoàn 95/ SĐ325 CSBV, tại mặt trận Thị Xã và Cổ Thành Quảng Trị vào ngày 15/9/1972 tại khu hầm ngầm cạnh dinh Tỉnh Trưởng Quảng Trị. (Quân Sử TQLC, trang 274.)

Ngày 20/ 9/ 1972, Đại Úy Liễn được đặc cách thăng thiếu tá tại mặt trận và được bổ nhiệm làm TĐP/ TĐ2/ TQLC từ 11/72- 1973. Sau đó, ông được chuyển làm TĐP/ TĐ7

của Th/Tá TĐT Phạm Cang.

Trong những ngày cuối tháng 3/1975, LĐ147/ TQLC bị kẹt tại bờ biển Thuận An, em trai của Thiếu Tá Liễn bị tử thương. Ông đem đờc xác em lên tàu HQ, rồi quay lại bờ cùng với Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Phạm Cang và đồng đội tiếp tục chiến đấu cho tới viên đạn cuối cùng rồi bị bắt, vào ngày 27/3/1975.

Ông đã bị tù CS 13 năm (từ 27/3/1975 đến 12/ 2/1988).

\*\*\*

Cùng với Nhảy Dù, TQLC là một trong 2 thành phần Tổng Trừ Bị cấp sư đoàn của Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH. Sư Đoàn TQLC thường tham dự những cuộc hành quân qui mô lớn, với nhiệm vụ giải quyết những chiến trường quan trọng trên khắp 4 Quân Khu, với chiến thuật điều quân thần tốc, dùng hỏa lực tối đa để trấn áp và tiêu diệt địch, hoặc trấn đóng các khu vực trọng yếu, như Quảng Trị, gần Vùng Phi Quân Sự.

CSBV mở đầu chiến dịch Nguyễn Huệ tại Quân Khu I vào ngày 30 tháng 3 năm 1972 đúng vào mùa Lễ Phục Sinh (nên phía Hoa Kỳ thường gọi The Easter Offensive), chúng vượt qua vĩ tuyến 17, xua quân xâm chiếm miền Nam. Chúng đã đưa nhiều sư đoàn Bộ Binh, nhiều đơn vị thiết giáp, pháo binh, đặc công... tràn qua sông Bến Hải (ranh giới giữa 2 miền Nam Bắc), chiếm đóng một phần tỉnh Quảng Trị, trong đó có Thị Xã và Cổ Thành Quảng Trị.

Trong thời gian đầu, để bảo toàn lực lượng, các đơn vị trú đóng tại tỉnh Quảng Trị đã phải di tản chiến thuật, tạm thời để các lực lượng CSBV chiếm đóng một phần tỉnh Quảng Trị.

Chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt trên khắp lãnh thổ VNCH vào mùa Hè 1972, trong khi những thương thảo đang đến hồi gay cấn trên bàn hòa đàm tại Paris. CSBV cố chiếm Thị Xã Quảng Trị để thiết lập thủ đô cho cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng miền Nam, tay sai của chúng, nhằm tăng uy thế cho

chính phủ bù nhìn này trên chính trường quốc tế. Biết được mưu đồ của chúng, Chính phủ VNCH quyết tái chiếm Thị Xã và Cổ Thành Quảng Trị với bất cứ giá nào. Vì lẽ, **đây là một mục tiêu quân sự, vừa có tính chính trị với tầm mức chiến lược lúc bấy giờ.**

Sư Đoàn Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến, là 2 nỗ lực chính, được BTTM giao cho trách nhiệm này.

Ngày 27/7/1972, thời gian ấn định chiếm Thị Xã và Cổ



**Đ/Úy Liễn; Đ/Tá Ngô V Định, LĐT258; Tr/Tá ĐH Tùng; Đ/Úy NP Định (Từ trái). Phía sau là dinh Tỉnh Trưởng Quảng Trị ngày 16/9/72, sau ngày ĐĐ4/TĐ 2 chiếm BCH / CSBV.**

Thành Quảng Trị chưa đạt được. Trung Tướng Trưởng quyết định dừng cuộc tấn công vào Thị Xã và Cổ Thành Quảng Trị của Sư Đoàn Dù, giao nhiệm vụ lại cho Sư Đoàn TQLC. (Trích Quân Sử TQLC, trang 262.)

Cuối cùng, sau 51 ngày đêm chiến đấu gian khổ, phải đánh chiếm từng ngôi nhà, khu phố trong Thị Xã và Cổ Thành Quảng Trị, Binh Chủng TQLC đã tiêu diệt các ổ kháng cự cuối cùng của CSBV trong toàn Thị Xã và Cổ Thành Quảng Trị vào ngày 15 tháng 9 năm 1972.

Tổng kết cho toàn chiến dịch từ tháng 6 năm 1972 cho đến ngày 16 tháng 9 năm 1972 đã có 3658 quân nhân TQLC hy sinh và hàng ngàn TQLC bị thương, nghĩa là trung bình cứ 4

quân nhân TQLC thì có 1 TQLC hy sinh. Sư Đoàn bị tổn thất nhiều vì TQLC đánh địch ở thế tấn công. Địch quân phòng thủ theo chiều sâu, trên các cao điểm với quân số hơn ta khoảng 4 lần.

Thủy Quân Lục Chiến, đã cấm cờ VNCH trên Cỏ Thành vào ngày 16 tháng 9 năm 1972, chấm dứt vẻ vang chiến dịch **“Ba tháng thừa thắng xông lên tái chiếm lãnh thổ”** do Tổng Thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu đề ra.

Tuy nhiên, đã có những câu hỏi đã được suy đoán và đặt ra. Tại sao Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù không tiếp tục thanh toán nốt mục tiêu, mà lại được lệnh giao lại cho TQLC? Vì ĐĐ 5 ND bị tổn thất quá nhiều, khó có thể hoàn thành nhiệm vụ? Hay vì các cấp lãnh đạo muốn dành công trạng này cho TQLC? Phải chăng có sự sắp xếp từ cấp rất cao? Phải chăng đơn vị TQLC, được thay thế, không cần phải làm gì nhiều mà chỉ cần có mặt để lấy công?

Các câu hỏi trên, qua một thời gian dài, vẫn chưa có câu trả lời thích đáng, nhất là những người ít có cơ hội tìm hiểu kỹ càng về trận đánh này. Họ đã có những suy đoán không hợp lý, dựa trên cảm tính hơn là tìm hiểu sự thật. Riêng đối với những quân nhân thường tham dự các cuộc hành quân, họ không bao giờ đặt ra các câu hỏi đại loại như trên, vì việc hoán đổi vị trí trách nhiệm các đơn vị là việc bình thường.

Thật may mắn, tôi đã có câu trả lời rõ ràng khi có dịp đọc quyển sách “Tàn Cơn Bình Lửa” của Biệt Cách Dù Lê Đắc Lực. Tác giả đã cho thấy cái nhìn khách quan về diễn tiến thực sự khi 2 đại đội của Liên Đoàn 81 BCD tăng phái cho ĐĐ5 ND, cho đến lúc bàn giao vị trí cho TQLC.

*Trước khi tiếp tục câu chuyện, tôi muốn trình bày đôi nét về đơn vị Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Khởi thủy, Lực Lượng Đặc Biệt có hai đơn vị tác chiến độc lập là: Delta và Tiểu Đoàn 91BC/ND với nhiệm vụ: Thả toán và khai thác mục tiêu. Nên các cuộc hành quân thường là: “Theo dõi, bám sát để phát*

giác những căn cứ của địch, các trục xâm nhập, bắt sống tù binh để khai thác”. Để đạt mục đích, họ quen thuộc với chiến thuật dùng nhiều toán nhỏ, thâm nhập vào trong lòng địch, thường xuất quân “lúc chiều tàn, khi sương lên nhiều, và màn đêm đang từ từ phủ xuống” nhằm tránh địch theo dõi...

Nhiệm vụ của họ thật nặng nề, nên mỗi toán Delta đều được huấn luyện thuần thục, đa năng với công thức 4+2/7. Nghĩa là toán có 4 quân nhân VN và 2 quân nhân HK, với thời gian hoạt động trong vòng 7 ngày hay lâu hơn. Toán trưởng là sĩ quan Việt Nam, các toán viên Hoa Kỳ thường trợ giúp về mặt vận chuyển, yểm trợ... Cho nên, các hoạt động của đơn vị này rất đặc biệt, riêng rẽ, độc lập, và rất âm thầm. Địch quân nhiều lúc bị thương vong, bị tấn công hoặc đánh bom trong cơn hoảng loạn vì quá bất ngờ.

Tóm lại, các anh là tai, mắt giúp cho các bộ tư lệnh cao cấp hiểu rõ tình hình địch để có kế hoạch đối phó.

Tháng 8 năm 1970, Lực Lượng Đặc Biệt giải tán vì đã hết nhiệm vụ nhảy Bắc, nhảy Lào và đổ bộ biển. Các quân nhân Lực Lượng Đặc Biệt đều được phân tán về các binh chủng khác trong quân đội, nhiều nhất là chuyển qua Biệt Động Quân và Nha Kỹ Thuật, với nhiệm vụ vẫn như cũ. Riêng bộ phận chỉ huy phía Việt Nam Cộng Hòa của Trung tâm Hành Quân Delta và Tiểu Đoàn 81 Biệt Cách Dù được tổ chức lại, sáp nhập thành **Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù**, mà vị chỉ huy trưởng là Trung Tá Phan Văn Huấn, K10/VB. Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù trở thành một lực lượng Tổng Trừ Bị của Bộ Tổng Tham Mưu.

Khi mới thành lập, quân số của Liên Đoàn chỉ khoảng 900 người. Về sau, Liên Đoàn được mở rộng với quân số lên đến 3,000 quân nhân.

Mặc dù được huấn luyện cho những công tác thật đặc biệt, nhưng khi tình hình nguy ngập như trong “Mùa Hè Đỏ Lửa” 1972 tại An Lộc và Quảng Trị, Bộ Tổng Tham Mưu đã

*xử dụng Liên Đoàn 81 BCD như là một lực lượng tăng viện, tiếp cứu và thanh toán chiến trường, khi cần đến các kỹ năng chuyên môn đặc biệt của đơn vị.*

Một chi tiết rất quan trọng có tính cách **nhân chứng cho một sự kiện lịch sử** khi 2 đại đội của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù (BCD) được tăng phái cho TĐ5 Nhảy Dù vào những ngày gần cuối tháng 7 năm 1972 trong nỗ lực tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị. (Tàn Con Bình Lửa trang 137-138.)

**Các Đại Đội 51 và 52 của TĐ5 Nhảy Dù và các Đại Đội 3 và 4 BCD đang bố trí bên ngoài Cổ Thành gần khu vực Nhà Thờ Tri Bru thì bị đánh bom lằm ngày 26 tháng 7 năm 1972.**

Sự kiện đau buồn này đã làm tiêu hao sinh lực của các đơn vị tham chiến trong cố gắng đánh vào Cổ Thành. Tôi hiểu được nỗi niềm đau đớn lớn lao này mỗi khi đơn vị bị thiệt hại. Chính đơn vị tôi đã từng bị phi cơ HK thả bom lằm ngày 5 tháng 5 năm 1972 khi mới thiết lập tuyến phòng thủ Mỹ Chánh được mấy ngày.

**Đánh đuổi CSBV ra khỏi Thị Xã Quảng Trị là công lao xương máu của mọi Quân Binh Chung, các đơn vị chủ lực quân cũng như địa phương của QLVNCH, của các đơn vị yểm trợ như Không Quân, Hải Quân, Pháo Binh, Công Binh,... và Đồng Minh. Đó là phần đóng góp xương máu vô cùng lớn lao của các quân nhân Nhảy Dù, TQLC, Biệt Động Quân, Liên Đoàn 81 BCD, Thiết Giáp, các đơn vị Pháo Binh 155 ly, Địa Phương Quân và Nghĩa Quân qua nhiều giai đoạn của chiến dịch tái chiếm lãnh thổ này.**

TQLC được giao phó nhiệm vụ nặng nề và hãn diện là đơn vị đánh tan quân xâm lăng CSBV ra khỏi Thị Xã và **cắm** cờ VNCH trên Cổ Thành Quảng Trị vào ngày 16 tháng 9 năm 1972. Tức là sau gần 2 tháng kể từ ngày 27/7/72 khi Lữ Đoàn 258 TQLC thay thế Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù, (hai lữ đoàn đã liên lạc hàng ngang ngày 25 tháng 7 về kế hoạch thay quân trong và



chung quanh Thị Xã Quảng Trị), với **các** chi tiết: TĐ3 TQLC thay thế cho TĐ5 ND hướng Đông- Bắc Cổ Thành tại Cô Nhi Viện Hải Đông Tri Bưu (cách CT gần 300m), TĐ9 TQLC thay thế cho TĐ9 ND gần ngã ba Long Hưng (Trên QL1) và cách QL về hướng Thị Xã khoảng 100m.

Sau khi đọc xong phần trích đoạn nói về sự hiện diện của các Đại Đội 3 và 4 BCD, chắc chắn chúng ta đã có câu trả lời rõ ràng, khách quan về một sự kiện lịch sử quan trọng về diễn tiến trận đánh tái chiếm Thị Xã và Cổ Thành Quảng Trị vào mùa Hè 1972.

Tôi cũng xin phép *chiến hữu* Lê Đắc Lực, tác giả của tác phẩm “Tàn Con Bình Lửa”, được đăng lại trích đoạn này.



**Huy hiệu Biệt Kích Dù.**

\*\*\*

“...Sau cùng, Đại Đội tôi cũng đã tới tuyến phòng thủ của Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù. Tôi trình diện Mê Linh, tức là Thiếu Tá Lê Văn Mỹ, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 11 Dù. Cùng gặp Mê Linh với tôi sau đó là Đại Úy Nguyễn Ích Đoàn, Đại Đội Trưởng Đại Đội 1 Biệt Cách Nhảy Dù.

Mê Linh giao nhiệm vụ cho hai đại đội Biệt Cách Dù là tái chiếm Nhà Thờ La Vang, tên mới là Vương Cung Thánh Đường La Vang:

- “Đại đội các anh phải chiếm lại Nhà Thờ này và giữ nó, không cho địch chiếm lại.”

Có nghĩa là Dù đã chiếm nó. Đó là công lao của “Hùng Móm”, nhưng Hùng phải bỏ nó lại, đi tiếp xuống để đánh vào thành phố Quảng Trị. Thừa cơ hội đó, VC chiếm lại mục tiêu này.

Con đường tiến quân của cộng sản đánh vào Quảng Trị là con đường từ Ba Lòng xuống Như Lệ, Phước Môn, bên hữu

ngạn Sông Thạch Hãn, theo một con đường bỏ hoang đã lâu, có cái tên cũ là đường Bảo Đại. Nó không giống như con đường Trần Lệ Xuân ở Phước Long, con đường đi lấy gỗ rừng của dân xe be khai thác gỗ.

Ở đây, đường Bảo Đại là con đường đi săn của Nhà Vua trước năm 1945, khi ông vua ham săn bắn này còn ngồi trên ngai vàng. Quân cộng sản đã theo con đường này, đưa quân chiếm lại Nhà Thờ La Vang. Nó cũng có nghĩa là khi Tiểu Đoàn 11 Dù từ hướng Tây đánh vào Thành Phố, thì coi như Tiểu Đoàn đưa lưng ra cho địch từ sau đánh tới. Trong ý nghĩa đó, hai Đại Đội Biệt Cách Dù có nhiệm vụ lấy lại Nhà Thờ La Vang, và giữ nó là nhằm mục đích bẻ gãy ý định của địch.

Bây giờ chúng tôi lại phải áp dụng chiến thuật sở trường: đánh đêm.

**Vị trí giữa địch và ta đã thay đổi. Trước kia, chúng ta ở trong đồn, VC công đồn, chúng phải đánh ta vào ban đêm, chúng ta khó phát giác địch. Bây giờ thì chúng ta phải công đồn, chúng ta cũng đánh đêm, địch không thể phát giác được ta.**

Nhà Thờ La Vang mặt quay về hướng Đông. Đại Đội 1 đánh từ hướng Tây Tây Nam, phía có Hang Đá Đức Mẹ. Đại Đội 4 tôi cũng đánh từ hướng Tây, Tây Bắc, phía có con đường đi lên Nhà Thờ Phước Môn ở phía Tây Nhà Thờ La Vang, gần chân núi Trường Sơn hơn.

Vào nửa đêm, chúng tôi âm thầm cho hai cánh quân tiến sát vòng đai Nhà Thờ La Vang. Vừa dàn quân lại gặp một trận mưa lớn, chúng tôi án binh bất động.

Trời vừa sáng, dứt cơn mưa, quan sát các bố phòng của địch, tôi điện báo cho Đại Úy Đoàn để phối hợp tác chiến, rồi bắt đầu phát lệnh xung phong, tấn công chớp nhoáng, ào ạt. Địch quá bất ngờ, nên một số đã bị tiêu diệt, một số vọt súng đầu hàng, vài ba tên tháo chạy vào bên trong nhà thờ, dùng B.40, AK.47 tác xạ chống trả, nhưng đã bị cánh quân hướng



Tây Bắc của Đại Đội 4 chúng tôi ném lựu đạn triệt hạ 20 tên và bắt sống 5 tên. Chúng tôi có 3 binh sĩ bị tử thương và 12 bị thương. Thu dọn chiến trường xong, Đại Đội 1 được lệnh ở lại bố phòng Nhà Thờ La Vang. Đại đội tôi tiếp tục tiến về hướng Đông Đông Bắc để thanh toán mục tiêu kế cận là Chi Khu Mai Lĩnh.

Chi Khu Mai Lĩnh, thuộc Quận Mai Lĩnh, tọa lạc trên đoạn đường rẽ, tên thường gọi là Ngã Ba Long Hưng, là con đường cũ đi vào thành phố, phía ngoài sân vận động Quảng Trị cũ, kế cận trường trung học Nguyễn Hoàng.

Trên con đường tiến quân từ Nhà Thờ La Vang đến Chi Khu Mai Lĩnh, đại đội tôi bị tổn thất một kinh binh và một tiểu đội trưởng vì đụng chót VC tại ngã ba đường La Vang và Quốc Lộ 1. Nhỏ chót là sở trường của Biệt Cách Nhảy Dù, theo chiến thuật của Đại Tá Huân. Pháo Binh cho nổ một tràng vào vị trí địch, buộc địch phải lựu đầu xuống, núp trong các hố cá nhân, nhưng các viên đạn cuối là đạn lép. Trong khi nghe tiếng đạn đi, VC còn núp, thì chúng tôi biết đó là đạn lép, không có gì nguy hiểm, liền nhanh chóng áp sát chỗ chúng ẩn núp. Nhờ đó, chúng tôi thanh toán bọn chúng không mấy khó khăn.

Đại đội tôi cũng áp dụng chiến thuật đánh đêm để tiến chiếm Chi Khu Mai Lĩnh. Đơn vị VC đóng chốt lại đây không đông, khoảng 15 hay 20 tên. Chúng nằm trong các công sự có sẵn trong chi khu để chống trả, và vì thế mà chúng đã không ngờ binh sĩ của Đại Đội tôi, một nửa ém quân bên ngoài, thỉnh thoảng tác xạ súng phóng lựu M.79 vào bên trong Chi Khu, một nửa lợi dụng trời tối đen như mực đã bò vào nằm sát bên ngoài công sự. Khi chúng tác xạ chống trả thì đã để lộ vị trí, nên bị chúng tôi ném lựu đạn giết chết và làm trọng thương hầu hết.

Ở lại trấn thủ Chi Khu Mai Lĩnh được hai hôm, đại đội tôi được lệnh tăng phái cho Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù, Tiểu Đoàn Trưởng là Thiếu Tá Bùi Quyền, Thủ Khoa Khóa 16 Võ Bị Đà

Lạt, đang hành quân ở phía Đông Thành Cổ. Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn đang đóng tại khu vực thôn An Thái cách Cổ Thành khoảng 3 km về hướng Đông Nam. Tôi trình diện danh tánh, cấp bậc, chức vụ với Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 5, Thiếu Tá Bùi Quyền nhìn tôi nói đùa:

- “Tôi thì nhỏ con, Trung Úy Lực thì to con, vậy tôi gọi ông là Lực Đô nhé. À... à.. mà Lực Đô nói lái là Lộ Đức. Vậy thì Lộ Đức là ám danh đàm thoại vô tuyến tôi đặt cho Trung Úy trong cuộc hành quân này. Trung Úy, có chịu không?”

Nói xong, Thiếu Tá Quyền cười vui vẻ vì cái sáng kiến độc đáo của ông. Nhờ ông, mà cái biệt danh Lộ Đức đã đeo đẳng theo tôi từ đó cho tới bây giờ.

Hôm sau Đại Đội 3 của Đại Úy Phạm Châu Tài cũng được điều động đến tăng cường cho Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù.

Thiếu Tá Bùi Quyền họp các Đại Đội Trưởng Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù và Biệt Cách Dù để ban lệnh hành quân. Ông giao cho tôi nhiệm vụ tấn công chiếm cứ nhà thờ Hạnh Hoa Thôn, thuộc làng Cổ Thành, quận Triệu Phong. Đại Đội 3 là lực lượng trừ bị. Thôn này ở bên sông, đẹp như cái tên của nó, nằm trên con đường đất hẹp, từ phía Đông Thành Cổ ra tới bờ sông Vĩnh Định. Thôn Hạnh Hoa có những ngôi nhà cổ, vườn rộng, cây lá xanh tươi, nhiều gốc mai lưu niên, có thể là trồng từ lâu lắm, đã mấy chục đời.

Nhà thờ Hạnh Hoa nhỏ, đối diện với bên kia đám ruộng nhỏ là nhà thờ Tri Bru cao lớn, có tháp chuông vươn khỏi những ngọn tre làng.

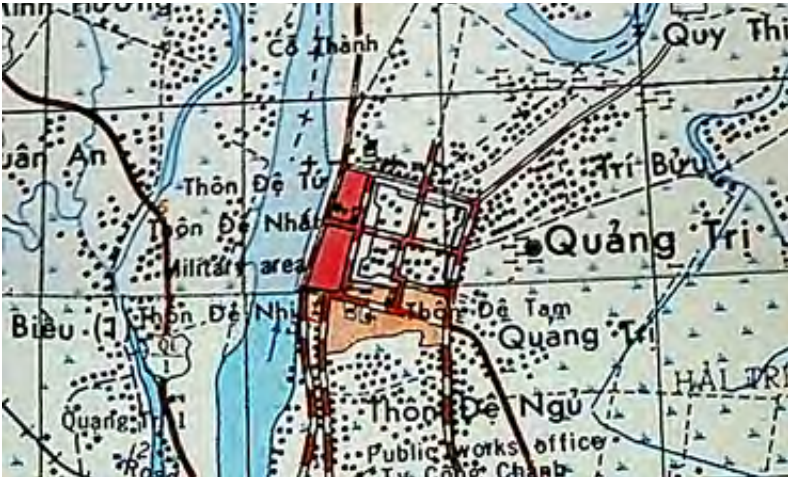
Địch đang chiếm cứ trong nhà thờ. Đánh trận ở đây, khi thấy địch chiếm đóng nhà thờ, tôi thường nhớ lại một câu trong bài hát, “Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím”:

*“Từ khi giặc tràn qua Xóm Đạo,  
Anh làm chiến sĩ giữ quê hương.”*

Vâng, tôi là người chiến sĩ giữ Quê Hương và tôi đang đuổi

giặc ra khỏi xóm quê này, mặc dù tôi chẳng có một em nhỏ nào cả “để nghe khe khẽ lời em nguyện” mà chỉ có “*Luyến thương chan chứa Tình Quê Mẹ*” mà thôi.

Hình như quân cộng sản chỉ quen với chiến thuật tấn công hơn là chiến thuật phòng thủ. Nhờ vậy, chúng tôi lần nữa sử dụng kỹ thuật đánh đêm. Tôi bung bốn trung đội men theo các nhà dân bị đổ nát, song hành tiến sát nhà thờ Hạnh Hoa Thôn. Lại một trận mưa rào đổ xuống đã giúp xóa bớt tiếng



***Tỉnh Quảng Trị và Cổ Thành. (Hình vuông nằm giữa bản đồ.)***

động di chuyển của chúng tôi, và nhờ đó mà Đại Đội đã vào chiếm cứ nhà thờ không một tiếng súng nổ. Đáng buồn là khi trời hừng sáng, địch đã nổ súng phản công. Trong lần đụng độ này, tôi mất người hiệu thính viên mà tôi rất thương mến: Hạ Sĩ Chân. Anh đã hy sinh ngay khi đang cầm ống nghe liên lạc báo cáo với Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù, thì bị một viên đạn địch bắn trúng đầu.

Vào ngày hôm sau, từ tờ mờ sáng đại bác của VC tác xạ liên hồi từ hướng Tây vào các vị trí phòng thủ của các đơn vị Nhảy Dù, vào đại đội tôi, và rải rác quanh khu vực phía Đông của Cổ Thành. Vừa ngưng pháo kích thì VC bắt đầu mở cuộc tấn công qui mô, với một đơn vị cộng quân đông hơn quân số

đại đội của tôi tới khoảng 5 lần.

Bọn chúng từ một ngôi làng ở hướng Bắc thôn Hạnh Hoa, ồ ạt xung phong biến người tấn công vào nhà thờ Tri Bưu và nhà thờ Hạnh Hoa. Chúng tôi sử dụng hết hỏa lực của mình để ngăn giặc. Nhưng kỳ lạ chưa? Bọn chúng như điên cuồng, như rò dại, như uống bùa mê thuốc lú, hết lớp này ngã xuống, lớp sau tiến lên. Lớp sau ngã xuống, lớp sau nữa tiến lên. Không những chúng tôi ngạc nhiên, thấy kỳ lạ mà còn kinh hoàng nữa, tự hỏi: “Sao bọn chúng ngu xuẩn, điên rồ vậy?” Cứ tình trạng này, đại đội của tôi, với quân số ít ỏi, chưa kịp bổ xung sau trận An Lộc, sẽ bị chúng tràn ngập mất thôi.

Nhưng cuối cùng, trước hỏa tập TOT của Pháo Binh Dù và Sư Đoàn 1, cùng sự chiến đấu dũng cảm của các đại đội Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù và Đại Đội 4 chúng tôi. Bọn chúng quay đầu tháo chạy như lũ chuột, bỏ lại trên bãi chiến trường la liệt xác chết của đồng bọn, của những tên giặc cộng cuồng tín, vô thần, mất hết cả lương tri, nhân tính.

Tôi ngồi nghỉ mệt, lật tấm bản đồ ra xem lại vị trí của mình, tôi bỗng chợt nhớ câu chuyện của một người bạn cũ kể lại. Tết năm Mậu Thân, VC dùng con đường này để tiến quân đánh vào thị xã Quảng Trị. Ngay tại điểm này, chỗ tôi đang ngồi, thôn Hạnh Hoa, VC đụng phải một tiểu đoàn Nhảy Dù và thiệt hại không ít. Nhờ đó mà Quảng Trị được yên hơn Huế là vì vậy.

Hèn chi, VC cố chiếm lại nhà thờ Hạnh Hoa Thôn là vì nó nằm trên con đường chiến thuật. Mất nhà thờ Hạnh Hoa Thôn, là chúng mất con đường tiếp cận với binh lính của chúng đang cố thủ trong Cổ Thành. Giữ được nhà thờ Hạnh Hoa Thôn là đại đội tôi đã đóng góp sức mình cho công việc tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị.

Tình hình chiến sự ở khu vực cận Cổ Thành vẫn còn sôi động, súng đạn từ trong bắn ra từ ngoài bắn vào nổ liên tục. Tiểu Đoàn 5 Dù được tăng cường thêm Đại Đội 1 và Đại Đội

2 Trinh Sát Dù, đang nỗ lực tấn công chiếm Cổ Thành. Thiếu Tá Bùi Quyền ra lệnh cho Đại Đội 3 và Đại Đội 4 Biệt Cách Dù, cùng tiến lên chiếm lĩnh phòng thủ tại Nhà Thờ Tri Bưu, để phụ trách sườn cánh phải, hướng Bắc của Cổ Thành..

Tôi dẫn Đại Đội thi hành nhiệm vụ. Chẳng còn thắng cùi hủi nào trong Nhà Thờ Tri Bưu cả. Bọn chúng đã bị Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù triệt hạ hầu hết trong lần tập kích trước, nên rút chạy cả rồi.

Dân chúng chung quanh Nhà Thờ đã di tản đã lâu, từ đầu trận đánh. Bây giờ chẳng còn thắng nào bèn mảng đến đây.

Tôi vẫn cho binh sĩ lục soát kỹ ở Nhà Thờ, không có gì hết, ngoài một số xác chết của đám “sinh Bắc tử Nam” bị sinh thối, nằm vương vãi một vài nơi, trong và ngoài khuôn viên Nhà Thờ. Nhưng tôi rất buồn khi nhìn lên bàn thờ Thánh, tượng Chúa Giê Su còn đó, một mình trên Thập Giá. Cha Xứ và con chiên chạy trốn giặc cộng hết cả rồi. Cảnh tượng ấy làm cho tôi thấy đau lòng hơn cả câu thơ của Phạm Văn Bình:

*“Chúa buồn trên Thánh Giá. Mắt nhạt nhòa mưa qua!”*

Tôi không khóc, vốn dĩ từ nhỏ tôi ít khi khóc. Nhưng xúc động thì tình cảm của tôi không thua kém ai, nhất là khi tôi nhìn lên gác chuông nhà thờ. Gác chuông đã bị đổ sập, chỉ còn một nửa. Là một Phật Tử, không mấy khi tôi vào qui lạy trong nhà thờ để nhìn lên tượng Chúa, nhưng gác chuông nhà thờ là một hình ảnh không xa lạ gì với số đông người Việt Nam. Vì vậy, khi nhìn cái gác chuông bị gãy đổ, lòng tôi xúc động hơn. Nơi đây không còn tiếng chuông nhà thờ nữa, tiếng chuông rộn rã mà tôi đã từng nghe khi tôi còn tuổi ấu thơ.

Đại Đội được lệnh nằm án ngữ tại nhà thờ Tri Bưu, ban đêm bung quân ra bên ngoài, để ngăn chặn địch có thể trở lại quấy phá. Trong một lần kích đêm, tiểu đội tiền đồn của Trung Sĩ Khuru Công Quý đã bắn tử thương 2 giặc cộng đang mò mẫm đi vào hướng khu nhà đổ nát của dân, tôi nghĩ chắc để tìm kiếm lương thực (?). Không lâu sau đó, Bộ Chỉ Huy

Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù ra lệnh Đại Đội 3 và 4 chúng tôi đưa quân về hướng Đông, tiếp giáp Cổ Thành. Có đơn vị Nhảy Dù đang chờ ở đó.

Từ Nhà Thờ Tri Bruu, Đại Đội đi lom khom, lẩn khuất trong các khu vườn nhà dân, từ vườn này qua vườn khác, để tránh địch phát giác. Tới phía ngoài Cổ Thành, trong vị trí bố phòng của các Đại Đội Nhảy Dù, tôi nhìn thấy có một số binh sĩ Nhảy Dù tử thương, bị thương, đang nằm trên các băng ca, chưa kịp di tản. Cũng vào lúc đó, hàng loạt trái đạn do Pháo Binh tác xạ, rồi tiếp theo sau là các chiến đấu cơ A.37, Skyraider của Không Quân Việt Nam đang thay nhau oanh tạc, nổ đòn dập, inh ỏi trên Kỳ Đài Cổ Thành Quảng Trị.

**Nhưng, bỗng dưng, không rõ từ đâu có hai chiến đấu cơ F.5 của Mỹ, bay vào khu vực dội bom, nổ lác hướng về phía phòng thủ của Nhảy Dù, gây nên tổn thất nặng nề về nhân mạng cho Đại Đội 51 và 52 của Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù và một ít cho hai Đại Đội 3 và 4 Biệt Cách Nhảy Dù đang bố phòng kề cận.**

Sự kiện này làm cho quân số của Nhảy Dù hao hụt nhiều hơn. Họ tham gia cuộc hành quân tái chiếm Quảng Trị kể từ đầu tháng 5 cho đến giờ, vậy là đã hơn 2 tháng. Hai tháng đánh trận liên miên, ngày đêm không ngơi nghỉ, sức voi cũng không chịu nổi. Tôi nghĩ thầm mà thấy thương cho các chiến hữu của tôi.

Ngày 27 tháng 7 năm 1972, ba Lữ Đoàn Nhảy Dù và hai Đại Đội 3 và 4 Biệt Cách Dù có lệnh triệt thoái để bàn giao chiến trường cho Thủy Quân Lục Chiến. Vì là lực lượng tăng phái, Đại Đội 3 và 4 Biệt Cách Dù được rút trước. Nhảy Dù còn ở lại, chờ quân bạn tiến lên tiếp nhận phòng tuyến.

Barbara và Helène là hai cao điểm nằm ở thượng nguồn, giữa sông Ba Lòng và sông Nhùng về phía Tây Tĩnh Quảng Trị, gần Trường Sơn. Đỉnh Helène cao hơn, thường bị mây mù bao phủ sớm chiều, nhất là về mùa mưa, mây che mờ mịt.



Còn Barbara thì thấp hơn một chút, ít mây mù hơn, thuận tiện công việc quan sát đường chuyển quân của cộng sản quanh mật khu Ba Lòng.

Rút khỏi Quảng Trị, mấy chiếc Chinook bốc thả Đại Đội 1 và Đại Đội 4 Biệt Cách Nhảy Dù xuống căn cứ Babara, với nhiệm vụ là từ cao điểm này, tung các toán Thám Sát của Đại Đội, thâm nhập vào phía Nam mật khu Ba Lòng để theo dõi, phát giác sự di chuyển, rút quân của địch, mà hướng dẫn pháo binh tác xạ và khu trục oanh kích.

Căn cứ này trước kia là của Quân Đội Mỹ trú đóng. Họ đã rút đi, nay chỉ còn lại những công sự ngầm và hàng rào phòng thủ bao quanh phòng tuyến.

Chiến trường Quảng Trị vẫn còn tiếp diễn, nhưng có lẽ địch đã núng thế rồi, không còn hy vọng gì giữ Cổ Thành lâu hơn được nữa. Do đó, các toán Thám Sát đã báo cáo thấy địch rút quân ra nhiều hơn là đưa quân vào tăng cường cho quân phòng thủ trong Thị Xã. Các toán Thám Sát nhận lệnh theo dõi và định vị chính xác đường mòn, căn cứ địch. Từ đó, tôi thông báo về Bộ Chỉ Huy để xin pháo binh và phi cơ tiêu diệt.

Công việc cứ tuần tự như thế cho đến khi nghe tin chiến thắng. Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến đã giương cao ngọn Cờ Vàng ba sọc đỏ của Tổ Quốc Việt Nam trên Cổ Thành Quảng Trị. Hôm ấy là ngày 16 tháng 9 năm 1972, trước kỳ hạn ba tháng của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Tổng Tư Lệnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.” Hết trích.

*Houston, Tháng 3 năm 2018*

*\* Hình đầu bài: Thủy Quân Lục Chiến đã dựng cờ trên Cổ Thành Quảng Trị, ngày 16 tháng 9 năm 1972*



## Hộp - Tin

Áu Tim, K26/1

*Autum Tears\**

*Và em lại về bên tôi ôi mùa của buổi sáng phà hơi lạnh  
Những ngón tay quấn quít tìm nhau  
Hỏi thăm đường nào chữ đi qua để lại những vết mực ó  
Chiếc lá vàng rơi trên trang giấy  
Chờ giọt sương lăn xuống một nỗi buồn  
Nhìn thách đó*

Em muốn tôi viết gì cho em, mùa Thu?  
Về những hệ lụy trần gian đã từng làm em khóc?  
Về những bảng lảng mây trời đã từng khiến em không  
được vui?

Hay tôi viết cho em một bài thơ không lời về người ấy  
Người đã vang dội trong tôi, trong em tiếng cười nồng  
ấm buổi Thu xưa

*Nhưng ngọn gió tai quái kia đang thổi vào tai tôi những lời  
“mắc dzịch”*

*Bảo: “Tình Yêu, chỉ là một mỹ từ làm chiếc khiên che đậy  
bày thú tính muốn xô lỏng*

*Để thỏa mãn khát vọng*

*Để giải thoát sự cuồng nộ của ngọn thủy triều dâng trong  
ngày biển động*

*Qua - rồi xong!”*

A, biết tin ai đây

Em của Thu rất ngọt - rất mềm - rất dịu

Gió của trời rất khó chịu - rất chua chát - rất đắng cay

Và tiếng cười thương ời rất giòn giã của người ấy

*Tôi quên tôi vẫn còn một trái tim đang bị treo trên nhánh  
lá chưa kịp héo*

*Nó van xin tôi hãy tha cho nó*

*“I just do the job - which - I’m supposed to do*

*Is that a sin?”\*\**

Em ạ

Tôi đã không thể trả lời câu hỏi đó

Bài thơ khựng trên những ngón tay run tìm kiếm

Này người và giải khăn len màu lá đỏ

Mùa thu đang thổn thức khóc

Bên tôi và tách cà phê đắng

*Psr:*

**N**hững ngày Thu lá vàng phủ đầy thảm cỏ, đã lâu  
ghê lấm những câu thơ về Thu đang dần tắt như  
giọt nắng cuối ngày. Năm nay cũng không ngoại  
lệ, những “mây phiêu du” những “hôm nay trời đã”... không  
còn “gió nghiêng mặt ngọc lưu ly phớt buồn” ấy nữa. Bài thơ

mang mang hoài vọng một ngày sáng Thu mưa làm lòng chao vài nhịp, hai chân đang đứng rất vững trên nền đất cũng sợ đất chao mà rón rén gót hải.

Hệ lụy trần gian làm em khóc! Những hệ lụy không tan phai đi, chỉ có dịp là nhoi nhoi lên thách đổ cho dù nửa thế kỷ đã qua, cho dù những suy nghĩ theo thời gian đã đổi thay theo từng mùa thay lá. Tình yêu thuở thanh xuân mềm mại cũng đã được thay bằng bao rạn vỡ mảnh pha lê, cho dù được đóng khung cất trong tủ kính tôn thờ.

Trong lòng người phụ nữ viết bài thơ *Autum Tears* ấy dường như rất phẳng lặng trên bề mặt, nhưng sâu thẳm là cuồng nộ ngấm ngấm của đáy sâu đại dương, của hừng hực áp xuất trong lòng đất, có dịp là phô ra như bao thiên tai đã bao trùm trái đất bấy lâu nay.



Từ mùa thay, từ bão tố, đến động đất là của năm nay. Năm đang dần hết, những biến động thiên nhiên thách đổ loài người, những rung chuyển Thượng Đế lay nhân loại hãy thức dậy: Tình Yêu Thương không theo mùa mà mất, không vì thiên tai mà bị hủy diệt, vẫn còn đây còn tồn tại mỗi sáng thức dậy bên ly cà phê nóng.

“Người ấy” có thể là quá khứ êm đềm mùa Giáng Sinh xưa, mùa Tết cũ, nhà thờ con Gà, dóc Du Sinh, khu Thái Phiên lá mimosa phủ phấn trắng, hoa mimosa phủ phấn vàng hương ngai ngái sau mưa, mùi cỏ dại mùi dã quỳ, chỉ hương cũ thể thôi cũng đủ in trên nền trời bây giờ dáng hình ngày cũ để mùa Thu thôn thức nhớ nhung.

*“Trèo lên đỉnh núi, vun mai giữa trời  
Mùa Đông rồi tới, hoa bay trước đời  
Rừng mai nở mãi, trông như nét cười của ai... ai ơi  
Ngoài sông gắm gió, trên sông bắc cầu  
Cùng con ngựa quý, qua sông lúc nào  
Chợt con ngựa cũ thân yêu hóa thành người yêu.”*

Cũng từ thơ từ nhạc, văng vẳng trên dốc đồi Cù, những luyến lưu khi chưa biết viên đạn có thể xuyên qua trái tim để không còn thấy nhau sau ngày đeo nhẫn ra trường, ngôi trường đào tạo những thanh niên ưu tú miền Nam trù phú. Người còn lại, những người còn lại vẫn còn tìm một “người yêu” chưa thành nguyện ước, còn vương vất những tình xưa nghĩa cũ. Người phụ nữ đã có chồng vẫn còn mãi miết tìm mòn mỗi một dáng hình xưa, có thể đã không còn nhớ gì đến mình nữa! Ủ, thời đại có Face Book, cả thế giới có thể liên kết, tại sao không tìm xem “có còn nhớ nhau”?

Con người sống ngỡ ngác mệt mỏi với bao trăm trở cuộc đời, sinh lão bệnh tử. Thu tàn Đông tận bỗng lóe sáng chút ngày xưa, nét đẹp tương lai ảo mộng đã thành bức tranh rõ rệt treo trên tường đập vào mắt mỗi ngày. Niềm yêu ái của bây giờ không nồng nàn như cũ bỗng bám víu vào sợi tơ quá khứ treo lơ lửng lập lờ khiêu khích lẫn nhau, “chỉ có ta trong cuộc đời” cho dù đời nào có biết ta là ai kia chứ!

Nhận điện thư từ Việt Nam nhờ tìm người cũ, người Alpha đỏ đã từng hẹn hò, đã một thời đón đưa dốc dài dốc ngắn, sau ngày bình vỡ ngọc rơi vẫn còn tay với bàn tay, hẹn hò qua chiếc bàn thăm nuôi trong trại tù “cải tạo”. Người Alpha đỏ vượt biển bỏ lại sau lưng mảnh tình Đà Lạt. Người xưa chỉ cần biết người Alpha có vui có hạnh phúc trong hiện tại mù khơi thăm thăm hay chẳng? Bài thơ ray rứt trong dạ, trong tim, không bỏ quên được trong Thung Lũng Tình Yêu, không bỏ quên được trên chuyến xe lam từ chợ về ấp Thái Phiên, ngày nào thăm nhau tóc xõa dài tà áo bay quện mây, quán gió.

Nỗi ghen ngào người ở lại luyến lưu, niềm thờ ơ người đàn ông đã “xóa bàn làm lại” thì có gì lạ, khi họ chối bỏ đã từng một thời đã yêu, đã nhớ! Thảng hoặc thôi vài mối tình kéo dài theo năm tháng thì cũng vượt bao trở ngại khó khăn. Tình ơi tình ơi! Không có nó cũng buồn, vương vào nó cũng chẳng gì vui!

Năm trôi qua nhanh quá, ngày chẳng còn đủ để nghĩ ngợi xem nên hay không nên kéo lùi dĩ vãng. Gặp người Alpha có nên báo cho họ hay đang có người tìm. Thôi thì con tạo đã xoay, đã vắn mỗi người mỗi nẻo, ông Tư bà Nguyệt se mỗi không thành thì duyên đành lỡ. May ra có kiếp sau còn duyên gặp lại, duyên hết kiếp này hẳn thôi.

Đôi ngã đôi đàng, tình dù thâm cách mấy cũng có lúc nhạt phai. Kẻ trời này, người trời khác cũng mây, cũng nước; nhưng vị nước không trùng, màu mây không tiệp. Chỉ một điểm còn chung là đã yêu dấu một thời, đã quán nhau một thuở.

Đến bao giờ vô tình gặp lại mới hay chính những nhỏ nhặt chung quanh là duyên là phận. Đến được gần nhau là món quà sinh tử, không tự nhiên mà có, chẳng tự nhiên mà mất. Cái TA thành ngã ba chia lìa quá khứ, hiện tại, lối tương lai ngày một nhạt nhòa. Có còn bắt được tay nhau, có còn được nhìn thấy mình trong mắt nhau? Người Alpha ơi, mỗi duyên xưa đã từng hiện hữu nay về đâu, về đâu!

*\* Autumn Tears: thơ Phù Dung.*

*\*\* Tôi chỉ làm công việc mà tôi dự trù là. Đó có phải tội lỗi không?*

*Cuối Thu 2017*





# Độc

## “Dấu Binh Lửa”

### của Nhà Văn Phan Nhật Nam

Bắc Đẩu Võ Ý, K17

Tôi đọc ”Dấu Binh Lửa” do nhà xuất bản SÓNG tại Nam Cali tái bản năm 2015 trên giấy trắng đục, loại giấy thích hợp cho những tác phẩm văn chương.

Sách dày 300 trang, gồm 23 bài ký sự về cuộc chiến tự vệ mà tác giả từng tham dự trong trách nhiệm một thiếu úy trung đội trưởng và rồi một đại úy đại đội trưởng Nhảy dù, trải dài trên khắp 4 Vùng Chiến Thuật, từ Bến Hải cho tới tận Cà Mau, thuộc lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa.



Hai mươi ba (23) bài bút ký chiến tranh đó (không kể bài tựa *Viết/ Sóng Là Một - trang 9*) cũng là một bức tranh tổng thể, vẽ nên một miền Nam non trẻ, cam chịu “dấu binh lửa” đến tận cùng bi thảm và khốc liệt, trong giai đoạn từ tháng 11 năm 1963 (*Đến Đơn Vị Mới- trang 25*) cho đến tháng 2 năm 1970 (*Đi Về Hướng Tây- trang 249*), vẫn bền bỉ chống trả và vươn lên để được sống còn.

*“Nhưng cũng trong lúc này, những lúc vỡ nát toàn diện quê cha, tôi cũng được nhìn tận mặt sức phản kháng im lặng nhưng quyết liệt đối với định mệnh của một lớp người dù trong*

*cuối đáy khổ cực, vẫn tin tưởng sắt son đến từng bụi cây, khóm cỏ.” (Những Ngày Dài trên Quê Hương - trang 167)*

Mỗi bài viết nói lên một câu chuyện, một cảnh đời trung thực, từ quân ta, quân đồng minh đến quân thù. Từ Saigon, Đồng Xoài, Long An, Kiến Hòa, Bình Dương, đến Đông Hà, Huế, lên tận Dakto, Komtum, Pleiku... Mỗi bài viết cũng là đoạn phim sống động, lời kéo tâm tưởng của tôi, cũng là một quân nhân Việt Nam Cộng Hòa, như sống lại một giai đoạn tang tóc trên quê hương điêu tàn.

Tùy theo hoàn cảnh và tâm trạng của mình, người đọc sẽ cảm thấy từng giọng, từng chữ như còn đượm mùi tử khí, khói súng, nỗi uất hận cũng như nước mắt của tác giả. Trong muôn vàn những đồ nát trong Dầu Bình Lửa, tôi ghi nhận cho riêng mình những nét chấm phá trong bức tranh bi tráng. Đó là,

*- sự tàn độc của chiến tranh,  
- tình quê, tình nước, tình nhà và  
- tính nhân bản của người chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng hòa...*

**Đành rằng**, phía Cộng Sản Hà Nội phát động cuộc chiến xâm lược miền Nam, nhưng điều ác độc và vô lý là họ đã tiến hành cuộc bắn giết đồng bào mình một cách tàn nhẫn, thậm chí còn hí hửng và man rợ hơn cả mãnh thú. Như pháo kích vào trường học, chợ búa, đặt mìn xe đò. Như những đợt pháo kích tới tấp đuổi theo cuộc lui binh của quân dân Quân Đoàn 2 từ Pleiku về Tuy Hòa trên liên Tỉnh Lộ 7b, khởi hành từ rạng sáng ngày 16 tháng 3 đến ngày 25 tháng 3 năm 1975, gây tang tóc cho biết bao dân lành vô tội:

*“Hai trăm ngàn dân, theo lính chạy loạn từ Kontum, Pleiku, nay còn khoảng sáu chục ngàn người”. 200.000 trừ đi 60.000 vậy đã chết bao nhiêu?” (Hậu Từ về Pleiku – trang 142).*

Sau một thời gian lao vào lửa đạn trên khắp các chiến trường, gần với cái chết trong gang tấc, với xác chết sinh thối bốc mùi, với thịt xương và máu mủ của đồng đội cũng như với

quân thù, tác giả, người sĩ quan Võ Bị Đà Lạt 25 tuổi, như thể tìm được đáp số của sự tàn ác là, khi con người bị buộc phải sống trong điều kiện thiếu ánh sáng lẫn tình cảm riêng tư, sẽ nảy sinh trạng thái *ấn ức tâm sinh lý*. Nhận xét của tác giả về những cán binh Cộng Sản sống chui nhủi trong mật khu như sau:

*“...Mắt của các anh hết còn là mắt người. Đây chỉ là đôi ngươi khép mở khi thức, ngủ. Đúng như vậy, vì các anh đã mất ý niệm của thị giác, của tất cả các giác quan con người. Các anh hết tính người. Bây giờ tôi có thể hiểu tại sao các anh hung hăng khi tác chiến. Tôi biết rồi... Đây là lúc các anh đang sống lại. Súng nổ đạn bay, tiếng bom, ánh lửa, một thúc đẩy mới, thổi bùng lại trong người các anh những phản ứng bao ngày bị cùn, bị chặt. Chỉ xung phong khi giao tranh, các anh mới tìm được nỗi vui vì được giết, được bắn, được vung vẩy tay chân, được lập lại phản ứng của con người – Được biết thế nào là sợ.”* (Nghĩ Về Người ở Mật Khu - nơi không sinh khí - trang 195).

Cái ác của người CS được cấu thành bởi nhiều yếu tố, trong đó phải kể do chủ thuyết hoang tưởng và do tuyên truyền nhồi sọ và xuyên tạc, *“thẻ phanh thây uống máu quân thù”*. Dù vậy, nhận xét trên đây của người lính viết văn Phan Nhật Nam, dù rất trẻ, vẫn mang một giá trị bất ngờ.

Mỗi trang sách đều phảng phất mùi tử khí. Chết trên chiến trường. Chết vì tên bay đạn lạc. Chết vì dịch hạch. Chết vì đói rét, v.v... Qua Dấu Binh Lửa, tôi bàng hoàng như chứng kiến cái chết hốt hoảng trong tư thế ngồi của gia đình ông Từ (người giữ nhà thờ) gồm 2 vợ chồng và 3 con nhỏ khi ông đem cả gia đình vào trốn (cộng sản) dưới chân bệ thờ Chúa (Người Chết dưới Chân Chúa – trang 39). Và hiển nhiên, cái chết của những người thân yêu vẫn mang đến cho những ai liên hệ nỗi bàng hoàng sâu lắng.

Tôi như chết lịm trước mỗi chữ mỗi dòng trong “Những

Ngày Gãy Vụn – trang 97”, bởi vì qua đó, tôi như chứng kiến cái chết của rất nhiều đồng đội thân yêu của chúng tôi, như các Thiếu Úy Nhảy Dù Nguyễn Ngọc Khiêm, Trần Văn Ký, v.v..., thuộc Khóa 17 Trường Võ bị Quốc gia, cách riêng, Thiếu Úy Nhảy Dù Trần Trí Dũng, Khóa 18, đã hy sinh trong trận Đồng Xoài, qua ghi nhận bi thảm của đồng môn Phan Nhật Nam:

*“Nhưng giờ đây, tất cả dạng hình tươi trẻ sống động của Dũng với lúm đồng tiền trên má không còn nữa. Kéo fermeture bao đựng xác – bạn anh, người bạn ấu thơ của Đà Nẵng hơn mười năm trước, bây giờ chỉ là một thây xác sùi xụp nước nhờn tím thẫm hôi hám. Có chăng được phần an ủi, xác Dũng còn nguyên dạng hình chưa bị vữa nát. Buổi đá banh năm xưa ở Sân Vận Động Chi Lăng làm sao tưởng ra tình cảnh này Dũng ơi?!”* (Hậu Từ Trận Đồng Xoài, 1965 - trang 111).

Chiến tranh là tàn phá, tàn phá toàn diện, trong đó có nếp sống dung dị của người dân vốn mộc mạc thanh bản. Tại các địa điểm dừng quân và đóng quân, kể cả quân đồng minh, đã nảy sinh tệ nạn xã hội và tôi thật sự xót xa cho những thân phận ngật nghèo vì cuộc sống này.

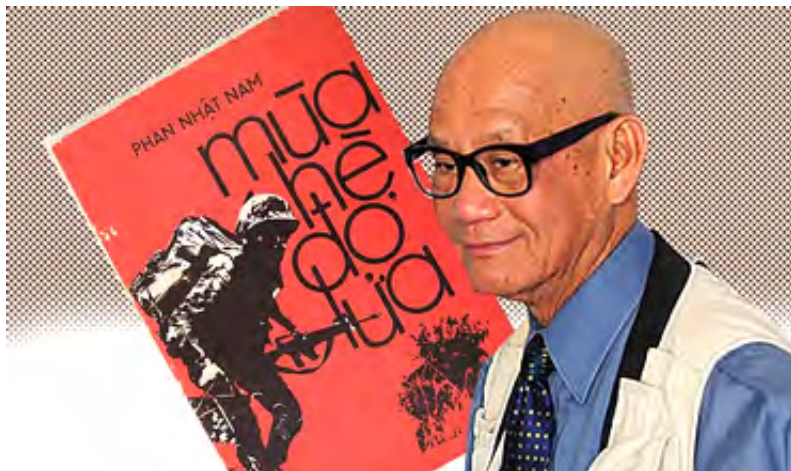
Về mặt khác, chiến tranh đã đẩy tác giả vào khắp các mặt trận và anh đã không bỏ lỡ cơ hội để ghi nhận được nhiều sắc thái của mỗi địa phương. Âu đó cũng là một loại “bằng Tường Lục” ban thưởng cho người lính viết văn. Một trong những bút ký tuôn trào “tình quê” và “tình nhà” mà tôi cảm thấy được tình cảm tha thiết chân thành của tác giả, là bài “Quê Hương và Người Huế”:

*“...Nơi này, cha mẹ tôi đã thương yêu nhau trong cảnh chết, tiếng nổ trên đầu, viên đạn rạch không khí bay xuyên tìm người dưới đất. Nơi này cha mẹ tôi đã lấy sức mạnh xác thân và tình thương mang tôi qua gió bão”*

*“Hôm nay, mùa Đông 1967, tôi đi qua, trên đất như có hồn, cỏ có dấu vết, biết đâu mẹ tôi đã ngừng ở đây, lấy nón*

*quat cho tôi. Cha tôi đã cúi mình trên bờ mấu để gạn lấy phần nước trong mát nhất cho con. Giòng nước luôn trôi chảy, mẹ cha làm sao biết được hơn hai mươi năm sau, đứa con trở lại một lần nhìn xuống để thấy gương mặt thật của mình trên suối dòng bắt diệt quê hương.” (trang 207).*

Một người con đạo hiếu, sẽ là một công dân lương thiện, một chiến sĩ can trường và nhân hậu. Người lính Địa Phương



Quân tại mặt trận Phú Thứ (Thừa Thiên), xin phép vượt lửa đạn về căn nhà đổ nát của ông anh để tìm hai đứa cháu gọi bằng chú, đứa 6 tuổi, đứa hơn ba tuổi mà cha mẹ chúng đã thất lạc. Rồi người lính quyết bảo bọc hai cháu trong suốt cuộc hành quân. Hỏi lòng nào không chùng xuống khi chứng kiến cảnh đau thương này:

*“Người lính móc từ ba-lô năm cơm gói bằng giấy báo, hai đứa bé ăn trong nháy mắt, thằng lớn cầm mảnh giấy trên lè lưỡi liếm sạch từng hạt cơm còn sót lại. Tội nghiệp quá mấy em ơi! Tôi đưa tay vuốt đầu thằng nhỏ, tóc nó cứng như một thứ rễ cây. Khốn khổ cho mấy em biết mấy, ba tuổi đã phải trốn trong căn hầm tối tăm, ẩm thấp, nhịn đói, nhịn khát đã hai ngày, ba tuổi chưa biết cởi chiếc quần để đi tiểu, nước tiểu đọng vàng ó mảng quần... Tương lai nào cho các em, đứa sáu*

*tuổi đã biết ôm em vào lòng, mắt nhìn lên miệng hàm đen chờ đợi một trái phá, một tràng súng chấm dứt đời chưa kịp được ngày trong sáng... Ôi các em! Người tôi căng như trên đồng than hồng, nhỏ từng giọt máu xót xa!! Đau thương biết mấy hạ trời...”* (Những Ngày Dài trên Quê Hương - trang 163).

Tính nhân bản của người lính chiến miền Nam là có thật, do trưởng thành và được đào tạo trong một xã hội và trường lớp nhân bản. Tại làng An Quảng (Bồng Sơn, Tam Quan) hoang vắng, mọi nhà đều đóng cửa, có tiếng khóc trẻ nít từ một ngôi nhà nhỏ. Hóa ra, 3 trẻ khóc vì cha mẹ chúng đã chết vì dịch hạch, đứa lớn nhất 14 tuổi, đứa nhỏ nhất khoảng 4, hay 5 tuổi. Những chiến sĩ của Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù đã giúp chôn cất hai vợ chồng xấu số:

*“Ba đưa bé đứng lặng nhìn những người lạ chôn xác cha mẹ chúng với đôi mắt trợn trừng của những con vật sắp chết... Tôi ngồi xuống ôm thẳng bé nhất trong tay, lòng khô như bãi cát dưới trưa nắng. Thôi cho mấy em mấy hộp thức ăn này, anh đi. Quân kéo xa khỏi làng, bóng ba đưa bé mờ dần trong sương chiều như hòn oan”* (Những Ngày Thê Thảm - trang 153).

Có quá nhiều hình ảnh đau thương trong Dấu Bình Lửa, qua đó, cũng có quá nhiều uất hận mà người lính Cộng Hòa nói chung, người lính Nhảy Dù Phan Nhật Nam nói riêng, đành *chịu đựng lặng lẽ* trong uất ức. Một trong những uất ức đó là một hậu phương biểu tình rối loạn không phải vì đại cuộc mà vì quyền lợi phe phái, kể cả tôn giáo, bất kể sự hy sinh xương máu của người chiến sĩ nơi tiền tuyến. Đám biểu tình chửi bới các người lính từ chiến trường được điều động về thành phố để chống biểu tình, trong đó có tác giả, bằng những tiếng chửi tục tằn thô lỗ, như thể họ bị giật giây hay mua chuộc. Điều ngược ngạo đó đã làm tác giả căm giận, ông nghĩ rằng, *máu và sinh mạng của ông và đồng đội của ông đã đổ ra không phải cho một hậu phương vô ơn như vậy.* (Một Chậu Đựng Lặng Lẽ - trang 53). Ông đưa tay vào túi đựng băng đạn



vừa tháo ra khỏi súng với một thoáng liêu lĩnh, nhưng may thay, ông nén được cơn giông bão trong lòng, vì rằng, *đi lính là chịu đựng, nổi chịu đựng không bờ bến!* (Trong Con Bì Phần - trang 47).

Bên cạnh những *chịu đựng không bờ bến* đó cũng còn có những phần thưởng đằm thắm dù chỉ một tiếng “dạ thưa” của người dân ở địa đầu giới tuyến. Khi đoàn quân đến một vùng thuộc Quảng Trị, gặp một nhánh sông nhỏ không biết tên, bèn hỏi một cô giáo địa phương:

- “Sông gì?
- Dạ thưa, sông Thu Rơi.
- Sông Thu Rơi. Tôi cười... Cô nói đùa hay thật?
- Dạ thưa, sông Thu Rơi”.

“Dạ thưa, sông Thu Rơi. Tôi rung rung cảm động. Ai đã đối thoại với lính lễ độ, kính nể đến như vậy.” (Quê Hương và Người Huế - trang 206)

**Tôi và Phan Nhật Nam** là bạn học thời Phan Châu Trinh Đà Nẵng, và là đồng môn tại quân trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, cách nhau một khóa. Trò Phan Nhật Nam đã tỏ ra *sôi nổi* từ thời trung học. Cực điểm của sự sôi nổi là khi anh phụ trách kéo cờ trong lễ chào cờ sáng thứ Hai tại sân trường vào năm 1955-1956 và tôi phụ trách hô chào cờ. Thay vì kéo cờ từ từ lên tới đỉnh vừa đúng lúc chấm dứt bài quốc ca “*rằng ta giòng giống Lạc Hồng*”, anh *bất ngờ* kéo cái rết, cờ lên tới đỉnh trong khi bài quốc ca mới bắt đầu, làm cả trường ngỡ ngàng lo lắng. Dĩ nhiên, hành vi “vô kỷ luật” này đã được trả giá, trò Nam bị phạt nghỉ học một tuần thì phải.

Tôi *bất ngờ* gặp Dấu Bình Lửa trong một tiệm sách trên đường Độc Lập vào năm 1965 khi tôi phục vụ Phi Đoàn 114 đồn trú tại phi trường Nha Trang. *Bất ngờ* là tôi *không ngờ*, bạn tôi lại tài giỏi như vậy, vừa đánh giặc lại vừa viết được cả sách nữa! Không phải một cuốn, mà rất nhiều cuốn tiếp theo sau. (\*)

51 năm sau (1965-2016), tôi đọc Dấu Bình Lửa trong hoàn cảnh cũng *bất ngờ* thú vị là tác phẩm được các độc giả tâm huyết tự nguyện dịch sang tiếng Pháp và chúng tôi cùng sống dưới một mái nhà tại thành phố Westminster, tiểu bang California!

Mạch văn trong Dấu Bình Lửa tuôn trào như suối nguồn, nhẹ nhàng, hồn nhiên và tôi như thấy lại tính sôi nổi của anh thuở nào. Dấu Bình Lửa cũng là lời tiên tri:

*Dấu bình lửa nước non như cũ  
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương  
Phận trai già ruổi chiến trường  
Chàng Siêu mái tóc điểm sương mới về.*

(Chinh Phụ Ngâm)

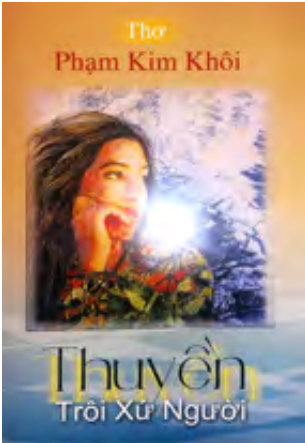
Sau 04/1975, Phan Nhật Nam chịu chung công nghiệp với dân tộc và đồng đội của mình. Và anh, *mái tóc điểm sương mới về*, sau 14 năm đọa đày trong ngục tù cộng sản! Tôi tưởng anh “hóa điên” sau Dấu Bình Lửa và sau những oan nghiệt và uất hận của biển dâu. Nhưng không, Phan Nhật Nam vẫn an nhiên sống, vẫn thủy chung, trung hậu với chữ nghĩa và với trách nhiệm vô hình của *người chiến sĩ Tự Do* cầm viết. Kiếm được đồng nào thì chia xẻ với những kẻ khốn cùng và với đồng đội năm xưa còn lầy lất tại quê nhà...

Tôi thấy thương và quý trọng bạn tôi hơn, người lính Dù viết văn Phan Nhật Nam!

*Westminster, 03/2016*

(\*) Muốn có sách của tác giả Phan Nhật Nam, xin liên lạc [phanhatnam9943@gmail.com](mailto:phanhatnam9943@gmail.com), hoặc (714) 200-4188

# Độc Thơ “Thuyền Trôi Xứ Người”



...Cứ mỗi vài ba năm, chúng tôi lại có dịp vinh hạnh trình lên quý khách thơ một thi tập mới. Mong sao những lần tái ngộ mà chúng ta từng thao thức, xôn xao chờ đợi đó sẽ còn mãi trong đời.

Hôm nay, “Thuyền Trôi Xứ Người”, đang lênh đênh trên sông nước dưới trời mây thoảng gió đưa, rất hân hoan được đón mừng quý khách dừng chân ghé thăm thơ lính, thơ tình, thơ bạn, thơ đời, thơ đạo, những bên thơ lúc nà cũng hoài vọng một niềm tin.

Quá khứ mênh mang, tâm cảnh chập chùng, nếu như có ý thơ nào khơi lại trong lòng người viễn khách những hình ảnh xa xưa thì cảm nghĩ ấy cũng chính là niềm vui mơ ước, đồng thanh tương ứng của gả lái đò.

Chân thành cảm tạ,

*CSVSQ Phạm Kim Khôi.*

**Chú Thích:** Các độc giả muốn biết thêm chi tiết, hoặc order sách “Thuyền Trôi Xứ Người”, xin liên lạc trực tiếp với tác giả, hoặc gửi check về địa chỉ:

**Phạm Kim Khôi**  
1229 S. Genoa Dr., Santa Ana, CA 92704

**Giá: US \$15.00**